

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2017/HSST**

Ngày: 21-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phạm Văn Hợp** - Cán bộ nghỉ hưu.

2/ Ông **Võ Văn Công** - Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Công Triều, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2017/TL-HSST ngày 10/11/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hồ Văn Anh T**, sinh năm 1987 tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Thường trú: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Chỗ ở: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Con ông Hồ Văn M, sinh năm 1954 và bà Trần Thị P, sinh năm 1956 (chết). Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bị hại: Trần Huỳnh Quốc T, sinh năm 1988, vắng mặt

Nơi cư trú: số 49, khu phố H, phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Lê Anh T, sinh năm 1994, vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Trần Công T, sinh năm 1959, vắng mặt

Nơi cư trú: số 49, khu phố H, phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Lê Thị Phước N, sinh năm 1992, vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

4/ Đặng Phước T, sinh năm 1988, vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 12/5/2017, bị cáo và anh Nguyễn Lê Anh T đến nhà anh Trần Huỳnh Quốc T để chơi. Bị cáo mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream II, màu nâu, biển số 63B6-187.74 của anh Trần Huỳnh Quốc T để qua huyện C, tỉnh Long An. Khi mượn xe bị cáo nói với anh Trần Huỳnh Quốc T là: “Cho tao mượn xe đi đây chút, chiều trả”. Sau đó, bị cáo lấy xe qua huyện C. Đến khoảng 17 giờ (cùng ngày) bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nên bị cáo nhờ chị Lê Thị Phước N gọi điện thoại cho một người tên Q để cầm xe, nhưng không có giấy tờ xe nên không cầm được. Đến khoảng 18 giờ (cùng ngày), anh Trần Huỳnh Quốc T gọi điện thoại cho bị cáo nhưng bị cáo không nghe máy. Vì anh Trần Huỳnh Quốc T gọi điện thoại liên tục nên bị cáo dùng thủ đoạn gian dối khóa máy và chiếm đoạt luôn chiếc xe để làm phương tiện đi lại. Bị cáo lẩn trốn nên không về xã B mà thuê nhà trọ bên huyện C, tỉnh Long An để ở, mỗi lần về nhà đều đi vào ban đêm để không bị phát hiện. Đến khoảng tháng 6/2017 bị cáo cho chị Lê Thị Phước N mượn xe mô tô về nhà, thì lại đưa xe cho chồng là Đặng Phước T sử dụng xe đi về quê. Đến ngày 13/7/2017, bị cáo thấy chị Lê Thị Phước N đang điều khiển xe mô tô chạy vào một nhà nghỉ ở huyện C. Do bị cáo có mâu thuẫn với chị Lê Thị Phước N nên báo Công an xã T, huyện C, tỉnh Long An thì chị Lê Thị Phước N bỏ xe đi mất. Công an xã T yêu cầu về trụ sở để giải quyết, nhưng bị cáo không chấp hành mà chạy xe về xã B thì gặp anh Trần Huỳnh Quốc T giữ xe và trình báo công an thị xã G. Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream II, màu nâu, biển số 63B6-187.74. Số máy: 100ME0255972. Số khung: C100M0255972; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream II, màu nâu, biển số 63B6-187.74.

Theo Kết luận định giá số 27/KL-HĐĐG ngày 21/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Gò Công, kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream II, màu nâu, biển số 63B6-187.74. Số máy: 100ME0255972. Số khung: C100M0255972 có giá trị là 9.700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 47/KSĐT-KT ngày 09/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Hồ Văn Anh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hồ Văn Anh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Văn Anh T từ 6 (Sáu) tháng đến 9 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận anh Trần Huỳnh Quốc T không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng thống nhất nội dung quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo khai nhận hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như cáo trạng nêu là đúng. Bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp cáo trạng, vật chứng, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và phương tiện để sử dụng, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của anh Trần Huỳnh Quốc T để mượn xe đi chơi, sau đó dùng thủ đoạn gian dối: khóa máy điện thoại và lẩn trốn để chiếm đoạt của anh Trần Huỳnh Quốc T một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream II, màu nâu, biển số 63B6-187.74. Số máy: 100ME0255972. Số khung: C100M0255972, có giá trị 9.700.000 đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự thì: *“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó.”. Như vậy đã có đủ cơ sở Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, cụ thể trong vụ án này là tài sản của anh Trần Huỳnh Quốc T bị xâm phạm, còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn xin bãi nại là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có khả năng tự cải tạo, nên cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục, răn đe.

Đối với chị Lê Thị Phước N và anh Đặng Phước T hoàn toàn không biết xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream II, màu nâu mang biển soát 63B6-187.74 là do bị cáo chiếm đoạt nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thị xã Gò Công đã trao trả cho anh Trần Huỳnh Quốc T xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream II, màu nâu, biển số 63B6-187.74, số máy: 100ME0255972, số khung: C100M0255972 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự, anh Trần Huỳnh Quốc T đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hồ Văn Anh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hồ Văn Anh T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Hồ Văn Anh T cho UBND xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Bị cáo Hồ Văn Anh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Gò Công;
- Chi cục THA.DS thị xã Gò Công;
- Cơ quan THA.HS thị xã Gò Công;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng